

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

Báo cáo tài chính tổng hợp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	11 - 42

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ("Công ty") là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 4127/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải ngày 30 tháng 10 năm 2014 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam thành công ty cổ phần. Ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty hoàn thành việc cổ phần hóa và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("CNDKDN") số 0312610240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp thay đổi lần 1 ngày 31 tháng 12 năm 2014 và các điều chỉnh sau đó (gần nhất lần thứ 13 ngày 8 tháng 10 năm 2025).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là SGN theo Quyết định số 242/QĐ-SGDHCM ngày 4 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.

Hoạt động theo giấy CNDKDN của Công ty và các công ty con là trực tiếp sản xuất kinh doanh tại cảng hàng không, sân bay; khai thác kết cấu hạ tầng, trang thiết bị của cảng hàng không sân bay; cung ứng dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, phụ tùng, thiết bị hàng không và các trang thiết bị khác; cung ứng các dịch vụ kỹ thuật, khoa học, công nghệ trong và ngoài nước; cung ứng dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; cung ứng các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa; mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng, thiết bị hàng không; dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các công ty vận tải, du lịch các nhà sản xuất, cung ứng tàu bay, vật tư, phụ tùng, thiết bị tàu bay và trang thiết bị chuyên ngành hàng không; cung ứng các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không sân bay; cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu tại các cảng hàng không, sân bay; kinh doanh kho hàng hóa, giao nhận hàng hóa; sửa chữa, lắp đặt các trang thiết bị điện, điện tử, cơ khí chuyên ngành, công trình dân dụng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở), đào tạo, bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.

Công ty có trụ sở chính tại số 58, Đường Trường Sơn, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Chi nhánh Đà Nẵng là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0312610240-001 cấp ngày 27 tháng 4 năm 2015. Địa chỉ tại Cảng Hàng Không Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Cao Cường	Chủ tịch	bổ nhiệm lại vào ngày 20 tháng 6 năm 2025
Ông Nguyễn Công Hoàn	Thành viên	bổ nhiệm lại vào ngày 20 tháng 6 năm 2025
Ông Lưu Đức Khánh	Thành viên	bổ nhiệm lại vào ngày 20 tháng 6 năm 2025
Ông Bùi Tuấn Anh	Thành viên	bổ nhiệm vào ngày 20 tháng 6 năm 2025
Ông Lưu Việt Hùng	Thành viên	miễn nhiệm vào ngày 20 tháng 6 năm 2025
Ông Lê Anh Minh	Thành viên độc lập	bổ nhiệm vào ngày 20 tháng 6 năm 2025
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên độc lập	miễn nhiệm vào ngày 20 tháng 6 năm 2025

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Thị Minh Nguyệt	Trưởng ban	bổ nhiệm vào ngày 20 tháng 6 năm 2025
Bà Trần Quang Tâm Thảo	Trưởng ban	miễn nhiệm vào ngày 20 tháng 6 năm 2025
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên	bổ nhiệm lại vào ngày 20 tháng 6 năm 2025
Ông Hoàng Mạnh Hà	Thành viên	bổ nhiệm lại vào ngày 20 tháng 6 năm 2025

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Tuấn Anh	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm vào ngày 1 tháng 7 năm 2025
Ông Nguyễn Văn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc phụ trách ban Điều hành	miễn nhiệm vào ngày 1 tháng 5 năm 2025
Ông Hứa Kiến Trung	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm lại vào ngày 10 tháng 6 năm 2025
Bà Lê Thị Hoàng Oanh	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm lại vào ngày 10 tháng 6 năm 2025
Bà Lương Thị Trâm My	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm vào ngày 10 tháng 6 năm 2025
Ông Lưu Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm vào ngày 1 tháng 7 năm 2025
Ông Nguyễn Đức Tiến	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2025
Ông Phùng Danh Nguyên	Kế toán trưởng	bổ nhiệm lại vào ngày 10 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Cao Cường	Chủ tịch	
Ông Bùi Tuấn Anh	Tổng Giám đốc	từ ngày 14 tháng 7 năm 2025

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty ("bao gồm báo cáo tài chính riêng của Văn phòng Hồ Chí Minh và chi nhánh phụ thuộc") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp; và
- ▶ Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 26 tháng 3 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất..

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 



Bùi Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2026



Shape the future
with confidence

Số tham chiếu: 11878890/E-69249770/FN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm của Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn (“Công ty”), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 6 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 26 tháng 3 năm 2025.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thị Như Quỳnh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3040-2024-004-1

Nguyễn Minh Thanh
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 5559-2025-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại – Thuyết minh số 28)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		965.173.313.132	1.056.999.453.623
110	I. Tiền	4	141.629.322.739	304.282.243.596
111	1. Tiền		141.629.322.739	304.282.243.596
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		610.000.000.000	570.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	610.000.000.000	570.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		182.143.514.379	166.319.612.797
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	239.588.497.410	223.164.028.981
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	5.614.259.600	6.740.101.716
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	10.488.185.449	9.519.803.713
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(73.547.428.080)	(73.104.321.613)
140	IV. Hàng tồn kho	9	10.784.484.393	10.292.773.998
141	1. Hàng tồn kho		10.784.484.393	10.292.773.998
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		20.615.991.621	6.104.823.232
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	9.380.116.934	5.565.748.351
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		11.235.874.687	539.074.881
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		434.632.426.239	214.101.073.014
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.201.121.645	339.295.300
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6	7.268.604.900	7.268.604.900
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	21.801.121.645	20.939.295.300
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	6, 8	(27.868.604.900)	(27.868.604.900)
220	II. Tài sản cố định		141.065.038.241	171.736.426.432
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	141.065.038.241	171.736.426.432
222	Nguyên giá		961.098.544.014	932.997.444.192
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(820.033.505.773)	(761.261.017.760)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		774.068.000	774.068.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(774.068.000)	(774.068.000)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	795.454.545
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	-	795.454.545
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		275.678.400.000	25.928.400.000
251	1. Đầu tư vào công ty con	12	275.678.400.000	25.928.400.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		16.687.866.353	15.301.496.737
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	469.908.682	82.013.181
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23.3	16.217.957.671	15.219.483.556
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.399.805.739.371	1.271.100.526.637

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

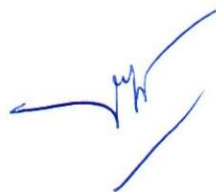
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		297.747.728.487	249.268.454.665
310	I. Nợ ngắn hạn		269.354.967.837	228.418.827.615
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	23.146.918.598	38.968.532.813
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.374.394.997	2.504.632.644
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	10.673.425.259	18.327.573.899
314	4. Phải trả người lao động		110.153.994.081	78.375.182.588
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	71.667.899.454	66.632.590.467
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	12.070.889.318	9.999.167.329
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	40.267.446.130	13.611.147.875
330	II. Nợ dài hạn		28.392.760.650	20.849.627.050
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	28.392.760.650	20.849.627.050
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	18.1	1.102.058.010.884	1.021.832.071.972
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.102.058.010.884	1.021.832.071.972
411	1. Vốn cổ phần		335.816.910.000	335.816.910.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		335.816.910.000	335.816.910.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.603.680.000	6.603.680.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(1.243.400.000)	(753.400.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		468.161.284.086	371.296.577.691
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		292.719.536.798	308.868.304.281
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		90.052.855.488	64.038.725.599
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm		202.666.681.310	244.829.578.682
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.399.805.739.371	1.271.100.526.637

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Thị Thúy Diễm
Người lập



Phùng Danh Nguyên
Kế toán trưởng



Bùi Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại – Thuyết minh số 28)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		250.671.671.115	306.276.949.040
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	11	58.772.488.013	68.348.828.167
03	Dự phòng	21, 22	443.106.467	15.565.453.182
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	20	2.225.385.067	(2.667.812.695)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(40.781.413.493)	(18.119.456.728)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		271.331.237.169	369.403.960.966
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(26.982.698.185)	106.269.739.196
10	Tăng hàng tồn kho		(491.710.395)	(362.733.085)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		20.680.525.884	(13.490.202.933)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(4.202.264.084)	921.635.332
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(50.606.503.538)	(67.128.983.830)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(9.667.966.643)	(7.995.118.268)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		200.060.620.208	387.618.297.378
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm TSCĐ		(27.305.645.277)	(58.834.854.034)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		-	268.000.000
23	Tiền gửi có kỳ hạn		(40.000.000.000)	(260.000.000.000)
24	Thu hồi tiền gửi có kì hạn		-	40.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12	(249.750.000.000)	-
27	Lãi tiền gửi và cổ tức được chia		39.067.440.892	15.103.758.098
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(277.988.204.385)	(263.463.095.936)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu quỹ	18.1	(490.000.000)	-
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	18.3	(83.746.477.500)	(83.833.977.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(84.236.477.500)	(83.833.977.500)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại – Thuyết minh số 28)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(162.164.061.677)	40.321.223.942
60	Tiền đầu năm		304.282.243.596	260.727.549.056
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(488.859.180)	3.233.470.598
70	Tiền cuối năm	4	141.629.322.739	304.282.243.596

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Thị Thúy Diễm
Người lập



Phùng Danh Nguyên
Kế toán trưởng



Bùi Tuấn Anh
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn ("Công ty") là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 4127/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải ngày 30/10/2014 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn thuộc Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam thành công ty cổ phần. Ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty hoàn thành việc cổ phần hóa và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("CNDKDN") số 0312610240 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp thay đổi lần 1 ngày 31 tháng 12 năm 2014 và các điều chỉnh (gần nhất lần thứ 13 ngày 8 tháng 10 năm 2025).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là SGN theo Quyết định số 242/QĐ-SGDHCM ngày 4 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.

Hoạt động theo giấy CNDKDN của Công ty là trực tiếp sản xuất kinh doanh tại cảng hàng không, sân bay; khai thác kết cấu hạ tầng, trang thiết bị của cảng hàng không sân bay; cung ứng dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, phụ tùng, thiết bị hàng không và các trang thiết bị khác; cung ứng các dịch vụ kỹ thuật, khoa học, công nghệ trong và ngoài nước; cung ứng dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; cung ứng các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa; mua bán vật tư, thiết bị, phụ tùng, thiết bị hàng không; dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các công ty vận tải, du lịch các nhà sản xuất, cung ứng tàu bay, vật tư, phụ tùng, thiết bị tàu bay và trang thiết bị chuyên ngành hàng không; cung ứng các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không sân bay; cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu tại các cảng hàng không, sân bay; kinh doanh kho hàng hóa, giao nhận hàng hóa; sửa chữa, lắp đặt các trang thiết bị điện, điện tử, cơ khí chuyên ngành, công trình dân dụng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở), đào tạo, bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.

Công ty có trụ sở chính tại số 58, Đường Trường Sơn, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Chi nhánh Đà Nẵng là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0312610240-001 cấp ngày 27 tháng 4 năm 2015. Địa chỉ tại Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.522 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.691).

Công ty có một chi nhánh và hai công ty con, như sau:

Chi nhánh

Chi nhánh Đà Nẵng là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0312610240-001 cấp ngày 27 tháng 4 năm 2015. Địa chỉ tại Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Các công ty con

(i) Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh ("SAGS-CXR") là công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy CNDKDN số 4201721827 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa (nay là Sở Tài chính Tỉnh Khánh Hòa) cấp ngày 30 tháng 12 năm 2016 và các Giấy CNDKDN điều chỉnh sau đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty sở hữu 51% vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong SAGS-CXR (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 51% vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết).

Hoạt động theo Giấy CNDKDN của SAGS-CXR là cung cấp dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất. Trụ sở đăng ký của SAGS-CXR tọa lạc tại Cảng Hàng không Quốc tế Cam Ranh, Phường Bắc Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Công ty con (tiếp theo)

(ii) Thực hiện biên bản Đại Hội Đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn và Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ đông bất thường ngày 6 tháng 3 năm 2025 thông qua chủ trương thành lập pháp nhân mới để tổ chức thực hiện vận hành, khai thác Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị hàng không và dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất số 2 tại Cảng Hàng không quốc tế Long Thành. Theo đó, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn đã ban hành Nghị Quyết 272/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 3 năm 2025, thông qua quyết định góp vốn thành lập Công ty TNHH Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Long Thành.

Công ty TNHH Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Long Thành (“SAGS-LT”) là công ty trách nhiệm hữu hạn hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy CNĐKDN số 3604009272 do Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp ngày 24 tháng 3 năm 2025. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty sở hữu 75% vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong SAGS-LT.

Hoạt động theo giấy CNĐKDN của SAGS-LT là cung cấp dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất. Trụ sở đăng ký của SAGS-LT tại Cảng Hàng Không Quốc tế Long Thành, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích trình bày báo cáo tài chính tổng hợp

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính tổng hợp này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (“báo cáo tài chính hợp nhất”) để ngày 26 tháng 3 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và [các] công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.6 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán tổng hợp theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	25 năm
Máy móc và thiết bị	5 năm
Phương tiện vận tải	6 - 7 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh; và
- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp theo nguyên tắc sau:

- các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh; và
- các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.13 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (được gọi là cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm đầu tư mở rộng quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ, trang thiết bị, đào tạo trình độ chuyên môn của Người lao động của Công ty hoặc góp vốn liên doanh, liên kết, mua cổ phần, góp vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích các cá nhân, tập thể có năng suất lao động và thành tích đóng góp đặc biệt, phát huy sáng kiến, cải tạo kỹ thuật, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm: dịch vụ hàng không (cho thuê quầy làm thủ tục, kéo đẩy máy bay, phục vụ mặt đất, dịch vụ hàng không khác) và dịch vụ phi hàng không (phục vụ khách VIP, FC, dịch vụ đào tạo, dịch vụ hành lý, hàng hóa và dịch vụ phi hàng không khác).

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán).

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.16 Thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng thuế suất GTGT theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam, như doanh thu cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay quốc tế thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng với thuế suất 0%; doanh thu cung cấp dịch vụ cho các chuyến bay quốc nội chịu thuế suất 8%, doanh thu đào tạo không chịu thuế.

Tại Chi nhánh Đà Nẵng thuế GTGT được kê khai và nộp riêng ở Chi nhánh.

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh của Văn phòng Hồ Chí Minh và Chi nhánh Đà Nẵng (đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty) được nộp tập trung tại Thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho [năm tài chính] khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền gửi ngân hàng	141.629.322.739	304.282.243.596

VND

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	610.000.000.000	570.000.000.000

VND

(Trình bày lại)

Số cuối kỳ thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại, có kỳ hạn gốc là sáu (6) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 4,4%/năm đến 6,0%/năm.

Trong đó: Hợp đồng tiền gửi số 900/2024/66046, có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, với giá trị 30.000.000.000 VND, được sử dụng làm tài sản cầm cố cho Hợp đồng bảo lãnh số 24.867068/2024-HĐCBLTL/NHCT900-SAGS nhằm đảm bảo nghĩa vụ và trách nhiệm thực hiện hợp đồng cho Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại Cảng hàng không Quốc tế Long Thành. Hợp đồng bảo lãnh này có hiệu lực từ ngày 23 tháng 12 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2050 và số tiền được bảo lãnh là 23.430.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	239.588.497.410	223.164.028.981
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 24</i>)	23.746.925.845	50.373.142.830
Các bên khác	215.841.571.565	172.790.886.151
- Công ty Cổ phần Hàng Không Tre Việt	64.018.959.871	67.518.959.871
- Qatar Airways	24.698.289.417	22.361.151.489
- Emirates Airline	15.670.346.153	6.474.579.750
- Air Asia Berhart (AK)	13.113.920.064	7.816.763.195
- Công ty Cổ phần Hàng Không Lữ Hành Việt Nam	9.501.523.977	8.819.704.608
- United Airlines, Inc.	8.183.358.561	-
- Scoot Pte. Ltd.	7.551.525.989	5.453.781.841
- Turkish Airlines (Tk)	7.217.837.900	5.229.780.000
- Khác	65.885.809.633	49.116.165.397
Dài hạn	7.268.604.900	7.268.604.900
- Công ty Cổ phần Air Mekong	5.508.337.650	5.508.337.650
- Cardig Air	1.760.267.250	1.760.267.250
TỔNG CỘNG	246.857.102.310	230.432.633.881
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(73.547.428.080)	(73.104.321.613)
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(7.268.604.900)	(7.268.604.900)
GIÁ TRỊ THUẦN	166.041.069.330	150.059.707.368

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Chi tiết các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi:

	Số cuối năm			Số đầu năm			VND
	Nợ gốc	Dự phòng	Giá trị thuần	Nợ gốc	Dự phòng	Giá trị thuần	
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi							
Công ty Cổ phần Hàng không Tre Việt	64.018.959.871	(64.018.959.871)	-	67.518.959.871	(67.518.959.871)	-	-
Công ty Cổ phần Hàng không Lữ hành Việt Nam	9.501.523.977	(8.819.704.608)	681.819.369	8.819.704.608	(4.543.095.020)	4.276.609.588	4.276.609.588
Fly Gangwon	708.763.601	(708.763.601)	-	690.976.098	(690.976.098)	-	-
Nordwind Airlines, LLC	-	-	-	351.290.624	(351.290.624)	-	-
TỔNG CỘNG	74.229.247.449	(73.547.428.080)	681.819.369	77.380.931.201	(73.104.321.613)	4.276.609.588	4.276.609.588
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi							
Công ty Cổ phần Air Mekong	5.508.337.650	(5.508.337.650)	-	5.508.337.650	(5.508.337.650)	-	-
Cardig Air	1.760.267.250	(1.760.267.250)	-	1.760.267.250	(1.760.267.250)	-	-
TỔNG CỘNG	7.268.604.900	(7.268.604.900)	-	7.268.604.900	(7.268.604.900)	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật		
Hàng không Việt Nam	3.780.000.000	3.744.525.117
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	940.749.746	753.168.000
Công ty Cổ phần Avintech	-	1.419.616.000
Khác	893.509.854	822.792.599
TỔNG CỘNG	<u>5.614.259.600</u>	<u>6.740.101.716</u>

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	10.488.185.449	9.519.803.713
Lãi dự thu	8.492.164.382	6.778.191.781
Các khoản trả hộ các hãng hàng không	1.582.849.367	628.451.447
Khác	413.171.700	2.113.160.485
Dài hạn	21.801.121.645	20.939.295.300
Công ty cho thuê Tài chính II – Ngân hàng		
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	20.600.000.000	20.600.000.000
Khác	1.201.121.645	339.295.300
TỔNG CỘNG	<u>32.289.307.094</u>	<u>30.459.099.013</u>
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	<u>(20.600.000.000)</u>	<u>(20.600.000.000)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>11.689.307.094</u>	<u>9.859.099.013</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	9.254.376.737	9.924.678.998
Công cụ, dụng cụ	1.530.107.656	368.095.000
TỔNG CỘNG	<u>10.784.484.393</u>	<u>10.292.773.998</u>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	9.380.116.934	5.565.748.351
Phần mềm và bản quyền	3.423.199.491	897.676.632
Phí bảo hiểm sức khỏe cho người lao động	2.899.978.783	2.776.980.955
Phí dịch vụ kỹ thuật, tư vấn thiết kế hệ thống an toàn mạng	1.625.096.110	-
Phí bảo hiểm trách nhiệm hàng không	760.322.504	719.612.500
Phí bảo hiểm phương tiện vận tải	535.450.567	529.823.293
Khác	136.069.479	641.654.971
Dài hạn	469.908.682	82.013.181
Phí sửa chữa	309.688.994	-
Phí tần số vô tuyến điện	132.090.000	44.030.005
Phí chứng thư tên miền	28.129.688	37.983.176
TỔNG CỘNG	<u>9.850.025.616</u>	<u>5.647.761.532</u>

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND
Số đầu năm	28.915.594.554	13.423.727.428	856.890.785.222	33.767.336.988	932.997.444.192
Chuyển từ xây dựng cơ bản	-	-	795.454.545	-	795.454.545
Mua mới	-	-	15.286.682.273	12.018.963.004	27.305.645.277
Số cuối năm	28.915.594.554	13.423.727.428	872.972.922.040	45.786.299.992	961.098.544.014
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	11.546.303.798	604.799.973.605	26.498.905.624	642.845.183.027
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	(11.007.845.322)	(12.217.525.930)	(711.099.883.974)	(26.935.762.534)	(761.261.017.760)
Khấu hao trong năm	(1.222.045.593)	(476.396.589)	(54.334.682.062)	(2.739.363.769)	(58.772.488.013)
Số cuối năm	(12.229.890.915)	(12.693.922.519)	(765.434.566.036)	(29.675.126.303)	(820.033.505.773)
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	17.907.749.232	1.206.201.498	145.790.901.248	6.831.574.454	171.736.426.432
Số cuối năm	16.685.703.639	729.804.909	107.538.356.004	16.111.173.689	141.065.038.241

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty TNHH Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Long Thành (i)	249.750.000.000	75%	-	-
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh (ii)	25.928.400.000	51%	25.928.400.000	51%
TỔNG CỘNG	275.678.400.000		25.928.400.000	

- (i) Công ty TNHH Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Long Thành (“SAGS-LT”) là công ty trách nhiệm hữu hạn hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3604009272 do Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp ngày 24 tháng 3 năm 2025. Công ty sở hữu 75% vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong SAGS-LT.
- (ii) Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh (“SAGS-CXR”) là công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4201721827 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa (nay là Sở Tài chính Tỉnh Khánh Hòa) cấp ngày 30 tháng 12 năm 2016 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. Công ty sở hữu 51% vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong SAGS-CXR.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 24)	4.154.847.519	15.475.655.486
Các bên khác	18.992.071.079	23.492.877.327
Công ty Cổ Phần Thương Mại Nhà Bè	3.380.349.840	4.839.442.200
Khác	15.611.721.239	18.653.435.127
TỔNG CỘNG	23.146.918.598	38.968.532.813

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập cá nhân	12.524.067.470	31.605.291.131	(37.656.660.153)	6.472.698.448
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.803.506.429	49.003.463.920	(50.606.503.538)	4.200.466.811
Thuế giá trị gia tăng	-	30.971.299.442	(30.971.039.442)	260.000
Thuế khác	-	128.994.949	(128.994.949)	-
TỔNG CỘNG	18.327.573.899	111.709.049.442	(119.363.198.082)	10.673.425.259

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ dự phòng tiền lương	58.000.000.000	64.700.000.000
Chi phí sử dụng cơ sở vật chất từ cảng hàng không	8.579.880.997	-
Chi phí nhượng quyền khai thác	2.066.102.709	-
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	1.474.084.800	588.142.585
Khác	1.547.830.948	1.344.447.882
TỔNG CỘNG	<u>71.667.899.454</u>	<u>66.632.590.467</u>

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	12.070.889.318	9.999.167.329
Tiền bán vé thu hộ	9.728.278.114	8.664.524.283
Các phải trả khác	2.342.611.204	1.334.643.046
Dài hạn	28.392.760.650	20.849.627.050
Nhận ký cược, ký quỹ từ các hãng hàng không	28.392.760.650	20.849.627.050
TỔNG CỘNG	<u>40.463.649.968</u>	<u>30.848.794.379</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên khác</i>	40.263.649.968	30.648.794.379
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 24)</i>	200.000.000	200.000.000

17. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	13.611.147.875	277.399.487
Trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh số 18.1)	36.324.264.898	21.328.866.656
Sử dụng quỹ	(9.667.966.643)	(7.995.118.268)
Số cuối năm	<u>40.267.446.130</u>	<u>13.611.147.875</u>

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						VND
Số đầu năm	335.816.910.000	6.603.680.000	(753.400.000)	307.309.977.722	238.520.386.388	887.497.554.110
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	244.829.578.682	244.829.578.682
Phân phối quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	63.986.599.969	(63.986.599.969)	-
Phân phối quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(21.328.866.656)	(21.328.866.656)
Phân phối quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	(5.332.216.664)	(5.332.216.664)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(83.833.977.500)	(83.833.977.500)
Số cuối năm	335.816.910.000	6.603.680.000	(753.400.000)	371.296.577.691	308.868.304.281	1.021.832.071.972



Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Năm nay	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số đầu năm	335.816.910.000	6.603.680.000	(753.400.000)	371.296.577.691	308.868.304.281	1.021.832.071.972
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	202.666.681.310	202.666.681.310
Mua lại cổ phiếu quỹ (*)	-	-	(490.000.000)	-	-	(490.000.000)
Phân phối quỹ đầu tư phát triển (**)	-	-	-	96.864.706.395	(96.864.706.395)	-
Phân phối quỹ khen thưởng và phúc lợi (**)	-	-	-	-	(36.324.264.898)	(36.324.264.898)
Phân phối quỹ thưởng Ban điều hành (**)	-	-	-	-	(1.880.000.000)	(1.880.000.000)
Chia cổ tức (**)	-	-	-	-	(83.746.477.500)	(83.746.477.500)
Số cuối năm	335.816.910.000	6.603.680.000	(1.243.400.000)	468.161.284.086	292.719.536.798	1.102.058.010.884

(*) Theo quyết định số 26/BC-HĐQT ngày 15 tháng 9 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc mua lại 35.000 cổ phiếu phổ thông đang lưu hành với giá 14.000 VND/cổ phiếu từ các cổ đông hiện hữu là cán bộ nhân viên của Công ty nghỉ việc trước thời hạn, số lượng cổ phiếu này được các cổ đông kể trên mua theo cam kết khi thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Phục vụ Mặt đất Sài Gòn. Việc mua lại số cổ phiếu nêu trên đã nâng số lượng cổ phiếu quỹ tại Công ty từ 48.100 cổ phiếu lên thành 83.100 cổ phiếu.

(**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 6 năm 2025, các cổ đông của Công ty đã thông qua các nội dung sau: Trích Quỹ đầu tư phát triển với tỷ lệ 40% từ lợi nhuận sau thuế được phép phân phối của năm 2024, tương ứng với số tiền 96.864.706.395 VND; Trích Quỹ khen thưởng và phúc lợi với tỷ lệ 15% từ lợi nhuận sau thuế được phép phân phối của năm 2024, tương ứng với số tiền 36.324.264.898 VND; Trích Quỹ thưởng Ban điều hành với số tiền 1.880.000.000 VND; Chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 25% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông (tương đương 2.500 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)
	Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP Quỹ đầu tư nước ngoài America LLC Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet Khác Cổ phiếu quỹ	48,03 24,96 9,11 17,65 0,25	161.280.510.000 83.824.140.000 30.608.220.000 59.273.040.000 831.000.000	48,03 24,96 9,11 17,76 0,14
TỔNG CỘNG		<u>335.816.910.000</u>		<u>335.816.910.000</u>

18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm và cuối năm	<u>335.816.910.000</u>	<u>335.816.910.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức đã trả bằng tiền	<u>83.746.477.500</u>	<u>83.833.977.500</u>

18.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ Cổ phiếu phổ thông	33.581.691	33.581.691
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	(83.100)	(48.100)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	33.498.591	33.533.591

Cổ phiếu đã được phát hành của Công ty có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ hàng không	1.201.463.889.621	1.257.312.625.065
<i>Phục vụ mặt đất</i>	1.160.239.108.999	1.219.272.945.803
<i>Dịch vụ kéo đẩy</i>	34.619.482.362	33.034.585.667
<i>Dịch vụ xe chờ khách</i>	6.605.298.260	5.005.093.595
Doanh thu dịch vụ phi hàng không	39.883.673.576	23.732.645.307
<i>Dịch vụ hành lý, hàng hóa</i>	10.887.975.114	7.277.569.141
<i>Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng</i>	8.557.765.868	5.065.349.847
<i>Dịch vụ đào tạo</i>	4.210.375.734	3.451.979.935
<i>Khác</i>	16.227.556.860	7.937.746.384
TỔNG CỘNG	<u>1.241.347.563.197</u>	<u>1.281.045.270.372</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ bên khác</i>	916.795.962.326	761.498.229.470
<i>Doanh thu từ bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 24)</i>	324.551.600.871	519.547.040.902

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	28.386.373.493	17.851.456.729
Lãi chênh lệch tỷ giá	18.460.619.102	18.316.559.519
Cổ tức được nhận	12.395.040.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	2.667.812.695
TỔNG CỘNG	<u>59.242.032.595</u>	<u>38.835.828.943</u>

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	2.225.385.067	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.854.176.826	3.064.892.829
TỔNG CỘNG	<u>4.079.561.893</u>	<u>3.064.892.829</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Chi phí nhân viên	72.959.214.091	69.246.815.350
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.415.765.257	31.176.301.561
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	8.569.798.464	3.574.983.923
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.016.076.592	2.975.653.773
Chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi	443.106.467	15.565.453.182
Chi phí khác bằng tiền	4.224.696.993	3.603.500.165
TỔNG CỘNG	<u>156.628.657.864</u>	<u>126.142.707.954</u>

22. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	560.312.738.721	536.433.332.088
Chi phí dịch vụ mua ngoài	343.444.863.927	321.258.517.130
Chi phí khấu hao TSCĐ (Thuyết minh số 11)	58.772.488.013	68.348.828.167
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ	52.975.872.237	44.237.478.740
Chi phí nhượng quyền khai thác	24.047.743.918	25.146.252.502
Chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi	443.106.467	15.565.453.182
Chi phí khác bằng tiền	6.516.942.243	1.177.388.077
TỔNG CỘNG	<u>1.046.513.755.526</u>	<u>1.012.167.249.886</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế “TNDN”) với mức thuế suất bằng 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

23.1 Chi phí thuế TNDN

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ	48.950.237.275	63.709.080.058
Thuế TNDN trích thiếu bổ sung	53.226.645	-
	49.003.463.920	63.709.080.058
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(998.474.115)	(2.261.709.700)
TỔNG CỘNG	48.004.989.805	61.447.370.358

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	250.671.671.115	306.276.949.040
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	50.134.334.223	61.255.389.808
<i>Điều chỉnh</i>		
Thu nhập không chịu thuế	(2.479.008.000)	-
Chi phí không được trừ	296.436.937	191.980.550
Thuế TNDN trích bổ sung	53.226.645	-
Chi phí thuế TNDN	48.004.989.805	61.447.370.358

23.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lợi nhuận chịu thuế của kỳ hiện tại. Lợi nhuận chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì lợi nhuận chịu thuế không bao gồm các khoản mục lợi nhuận chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại và thu nhập thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	VND			
Chi phí phải trả	299.166.190	358.918.092	(59.751.902)	(153.755.365)
Chênh lệch tỷ giá	271.979.153	(697.625.571)	969.604.724	(697.625.571)
Dự phòng phải thu khó đòi	<u>15.646.812.328</u>	<u>15.558.191.035</u>	88.621.293	3.113.090.636
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	<u>16.217.957.671</u>	<u>15.219.483.556</u>		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			<u>998.474.115</u>	<u>2.261.709.700</u>

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP ("ACV")	Cổ đông lớn
Quý đầu tư nước ngoài America LLC	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh	Công ty con
Công ty TNHH Phục vụ Mặt đất Sài Gòn – Long Thành	Công ty con
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Hà Nội	Nhà đầu tư của SAGS - LT
Các cá nhân quản lý (Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng)	Thành viên chủ chốt

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu trong năm của Công ty với các bên liên quan bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn	Cổ tức đã trả Cung cấp dịch vụ Sử dụng dịch vụ	40.320.127.500 12.272.498.802 153.805.000	40.320.127.500 7.801.607.725 369.132.000
Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh ACV		Sử dụng dịch vụ	117.208.822.064	153.820.196.759
Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng - Chi nhánh ACV		Sử dụng dịch vụ	23.385.561.781	18.763.917.567
Cảng Hàng không Quốc tế Cát Bi - Chi nhánh ACV		Cung cấp dịch vụ	177.441.438	-
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ Cổ tức đã trả Sử dụng dịch vụ	310.470.876.736 7.652.055.000 -	511.251.509.177 7.652.055.000 4.550.000
Quỹ đầu tư nước ngoài America LLC	Cổ đông lớn	Cổ tức đã trả	20.956.035.000	20.956.035.000
Công ty TNHH Phục vụ Mặt đất Sài Gòn - Long Thành	Công ty con	Góp vốn Chi hộ Cung cấp dịch vụ	249.750.000.000 7.590.653.886 113.401.098	- - -
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn - Cam Ranh	Công ty con	Cổ tức được chia Cung cấp dịch vụ Sử dụng dịch vụ	12.395.040.000 1.517.382.797 1.043.348.148	- 493.924.000 15.247.074

Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc năm kế toán như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số cuối năm	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng					
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	19.756.206.815	45.981.741.912	
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	3.336.348.196	4.380.492.918	
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP		Cung cấp dịch vụ	191.665.582	-	
Cảng Hàng không quốc tế Cát Bi - Chi nhánh Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam - CTCP		Cung cấp dịch vụ	460.638.850	10.908.000	
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn - Cam Ranh	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	2.066.402	-	
Công ty TNHH Phục vụ Mặt đất Sài Gòn - Long Thành	Công ty con	Cung cấp dịch vụ			
TỔNG CỘNG			23.746.925.845	50.373.142.830	
Phải trả người bán ngắn hạn					
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn	Sử dụng dịch vụ	-	33.221.880	
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam - CTCP		Sử dụng dịch vụ	4.154.847.519	14.226.810.867	
Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất - Chi nhánh ACV		Sử dụng dịch vụ	-	1.210.467.899	
Cảng Hàng không Quốc tế Đà Nẵng - Chi nhánh ACV		Sử dụng dịch vụ	-	5.154.840	
Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn - Cam Ranh	Công ty con	Sử dụng dịch vụ			
TỔNG CỘNG			4.154.847.519	15.475.655.486	
Phải trả khác					
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	Cổ đông lớn	Đặt cọc	200.000.000	200.000.000	

Các nghiệp vụ cung cấp dịch vụ và sử dụng dịch vụ với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường. Các bên liên quan khác là cá nhân không phát sinh giao dịch cũng như không phát sinh công nợ trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Chi tiết thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập của Hội đồng Quản trị	1.446.527.489	4.603.948.607
- Ông Nguyễn Cao Cường	131.500.000	20.000.000
- Ông Bùi Tuấn Anh	23.566.667	-
- Ông Đặng Tuấn Tú (*)	979.027.489	3.473.660.919
- Ông Lưu Việt Hùng	60.433.333	277.571.922
- Ông Lưu Đức Khánh	84.000.000	277.571.922
- Bà Nguyễn Ngọc Anh	60.433.333	277.571.922
- Ông Nguyễn Công Hoàn	84.000.000	14.000.000
- Ông Lê Anh Minh	23.566.667	-
- Ông Nguyễn Nam Tiến	-	263.571.922
Thu nhập của Ban Kiểm soát	1.347.758.658	1.541.212.336
- Bà Đặng Thị Minh Nguyệt (*)	511.820.000	-
- Bà Trần Quang Tâm Thảo (*)	739.938.658	1.223.987.282
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	48.000.000	158.612.527
- Ông Hoàng Mạnh Hà	48.000.000	158.612.527
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng (*)	13.516.363.089	15.177.020.889
- Ông Bùi Tuấn Anh	942.260.401	-
- Ông Nguyễn Đình Hùng	-	827.413.918
- Bà Lê Thị Hoàng Oanh	2.698.446.427	2.912.695.015
- Ông Hứa Kiến Trung	2.691.189.100	2.939.453.351
- Ông Nguyễn Văn Mỹ	1.723.253.993	3.206.764.155
- Ông Lưu Việt Hùng	1.870.380.680	2.748.705.083
- Bà Lương Thị Trâm My	943.822.056	-
- Ông Nguyễn Đức Tiến	320.509.343	-
- Ông Phùng Danh Nguyên	2.326.501.089	2.541.989.367
TỔNG CỘNG	<u>16.310.649.236</u>	<u>21.322.181.832</u>

(*) Thành viên chuyên trách.

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Công ty lựa chọn các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi khu vực địa lý. Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ tại các cảng hàng không, sân bay. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh. Theo đó, thông tin theo bộ phận theo hoạt động kinh doanh không được trình bày.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận (lỗ) và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

	<i>Văn phòng</i>		<i>VND</i>
	<i>Hồ Chí Minh</i>		<i>Tổng cộng</i>
	<i>Chi nhánh</i>		
	<i>Đà Nẵng</i>		
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024			
Doanh thu	981.578.744.962	299.466.525.410	1.281.045.270.372
Chi phí	(781.729.597.527)	(230.437.652.359)	(1.012.167.249.886)
Lợi nhuận bộ phận	199.849.147.435	69.028.873.051	268.878.020.486
Doanh thu hoạt động tài chính	37.707.322.256	1.128.506.687	38.835.828.943
Chi phí tài chính	(2.746.253.506)	(318.639.323)	(3.064.892.829)
Thu nhập khác	1.631.027.795	3.522.535	1.634.550.330
Chi phí khác	(6.145.460)	(412.430)	(6.557.890)
Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	236.435.098.520	69.841.850.520	306.276.949.040
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(49.843.415.536)	(13.865.664.522)	(63.709.080.058)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	1.618.316.739	643.392.961	2.261.709.700
Lợi nhuận sau thuế TNDN	188.209.999.723	56.619.578.959	244.829.578.682
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024			
Tài sản bộ phận	1.223.554.479.315	47.546.047.322	1.271.100.526.637
Nợ phải trả bộ phận	196.774.653.485	52.493.801.180	249.268.454.665

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận (lỗ) và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau: (tiếp theo)

	VND		
	<i>Văn phòng Hồ Chí Minh</i>	<i>Chi nhánh Đà Nẵng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Doanh thu	827.881.479.596	413.466.083.601	1.241.347.563.197
Chi phí	(753.224.680.391)	(293.289.075.135)	(1.046.513.755.526)
Lợi nhuận bộ phận	74.656.799.205	120.177.008.466	194.833.807.671
Doanh thu hoạt động tài chính	58.056.476.215	1.185.556.380	59.242.032.595
Chi phí tài chính	(2.759.634.096)	(1.319.927.797)	(4.079.561.893)
Thu nhập khác	684.305.850	61.133.987	745.439.837
Chi phí khác	(69.426.347)	(620.748)	(70.047.095)
Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	130.568.520.827	120.103.150.288	250.671.671.115
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(24.687.480.606)	(24.315.983.314)	(49.003.463.920)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	728.050.296	270.423.819	998.474.115
Lợi nhuận sau thuế TNDN	106.609.090.517	96.057.590.793	202.666.681.310
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025			
Tài sản bộ phận	1.326.303.313.986	73.502.425.385	1.399.805.739.371
Nợ phải trả bộ phận	224.245.303.101	73.502.425.386	297.747.728.487

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê tài sản và thuê mặt bằng để làm văn phòng tại nhà ga và khu tập kết. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu ước tính phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	24.723.910.326	19.200.544.247
Trên 1 đến 5 năm	<u>1.967.760.000</u>	<u>3.068.254.400</u>
TỔNG CỘNG	<u>26.691.670.326</u>	<u>22.268.798.647</u>

27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

27.1 Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ
Đô la Mỹ (USD)	<u>104.367.897.937</u>	<u>4.029.648,57</u>	<u>184.450.715.685</u>	<u>7.304.978,84</u>

27.2 Nợ khó đòi đã xử lý

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã xóa sổ khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi, chi tiết như sau:

	Năm xóa sổ	VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
Transaero Airlines	2017	<u>2.926.366.316</u>	<u>2.926.366.316</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. ĐIỀU CHỈNH DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã điều chỉnh phân loại lại các dữ liệu tương ứng đối với một số khoản mục trên báo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, chi tiết như sau:

- (i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng được sử dụng làm tài sản cầm cố, như đã trình bày tại *Thuyết minh số 5*, được phân loại lại từ chỉ tiêu "Phải thu dài hạn khác" sang "Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn" trên bảng cân đối kế toán tổng hợp, với giá trị là 30.000.000.000 VND:

<i>Khoản mục</i>	<i>Số đầu năm (Đã trình bày trước đây)</i>	<i>Ảnh hưởng của phân loại lại</i>	<i>VND</i> <i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>
------------------	--	--	---

Bảng cân đối kế toán tổng hợp

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	540.000.000.000	30.000.000.000	570.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	50.939.295.300	(30.000.000.000)	20.939.295.300

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm trước (Đã trình bày trước đây)</i>	<i>Ảnh hưởng của phân loại lại</i>	<i>VND</i> <i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
------------------	---	--	--

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp

Giảm các khoản phải thu	76.269.739.196	30.000.000.000	106.269.739.196
Tiền gửi có kỳ hạn	(230.000.000.000)	(30.000.000.000)	(260.000.000.000)

- (ii) Chi phí nhượng quyền khai thác tại các cảng hàng không do Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam quản lý đã được phân loại lại từ chỉ tiêu "Chi phí quản lý doanh nghiệp" sang "Giá vốn dịch vụ cung cấp" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, với giá trị là 25.146.252.502 VND:

<i>Khoản mục</i>	<i>Năm trước (Đã trình bày trước đây)</i>	<i>Ảnh hưởng của phân loại lại</i>	<i>VND</i> <i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
------------------	---	--	--

Bảng kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp

Giá vốn dịch vụ cung cấp	860.878.289.430	25.146.252.502	886.024.541.932
Chi phí quản lý doanh nghiệp	151.288.960.456	(25.146.252.502)	126.142.707.954

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Thị Thúy Diễm
Người lập



Phùng Danh Nguyên
Kế toán trưởng



Bùi Tuấn Anh
Tổng Giám đốc